

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/DS-ST

Ngày: 01/12/2021.

Về việc: Trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Như T1;

2. Ông Huỳnh Ngọc Trí.

- Thư ký phiên tòa: bà Huỳnh Thanh An – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

Trong ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021, về việc: “Tranh chấp trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1967. Có mặt.

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1968. Vắng mặt;

Và ông Đỗ Minh C, sinh năm 1969. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Trần Đ, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

Ông và ông Đỗ Minh C là chỗ bạn bè quen biết, ông C nói với ông là có cháu rể tên Nguyễn Trần Đ cần vốn làm ăn nên đề nghị ông T cho Đ mượn tiền, ông C và vợ là Huỳnh Thị T1 sẽ đứng ra bảo lãnh nợ nên ông đồng ý.

Vào ngày 24/12/201, ông và Nguyễn Trần Đ lập giấy mượn tiền với nội dung: ông Đ mượn của ông T 200.000.000 đồng thời hạn 12 tháng, ông C và bà T1 là người bảo lãnh cho ông Đ nếu ông Đ không trả nợ hay trả nợ không đầy đủ thì ông C và bà T1 chịu trách nhiệm trả nợ thay cho ông Đ. Ông Đ có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng do ông Nguyễn Văn Thương đứng tên.

Ngày 10/12/2020, ông Đ trả cho ông T 65.000.000 đồng, còn nợ lại 135.000.000 đồng hẹn tháng 01/ 2021 trả đồng thời xin nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ đầu tháng 02/2021 đến nay ông T đã nhiều lần yêu cầu ông Đ trả số tiền 135.000.000 còn nợ nhưng ông Đ cố tình tránh mặt. Do ông Đ không trả tiền nên ông T yêu cầu ông C và bà T1 trả tiền cho ông nhưng ông C và bà T1 không thực hiện.

Ông Nguyễn Thành T yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông Đỗ Minh C và bà Huỳnh Thị T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền 135.000.000 đồng.

*** Bị đơn:**

- Bà Huỳnh Thị T1 trình bày tại phiên họp ngày 18/5/2021: bà không đồng ý trả nợ thay cho ông Đ vì lúc Đ vay tiền của ông T có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng sau đó ông T đã trả lại cho Đ nên bà không đồng ý.

- Đỗ Minh C không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ liên quan đến số tiền ông T khởi kiện đòi ông phải trả nợ thay cho ông Nguyễn Trần Đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn trần Đ không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc ông đã trả số tiền ông đã vay của ông T.

*** Tại phiên tòa:**

- Ông Nguyễn Thành T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ông Đỗ Minh C, bà Huỳnh Thị T1 và ông Nguyễn trần Đ vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Đỗ Minh C và bà Huỳnh Thị T1 là bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C, bà T1.

Ông Nguyễn Trần Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ.

[2]. Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thành T xác định quan hệ vay tài sản và bảo lãnh trả nợ giữa ông với Nguyễn Trần Đ và Đỗ Minh C, Huỳnh Thị T1 xác lập vào tháng 12/2019 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

Bảo lãnh là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp giữa các bên theo quy định tại Điều 342 của Bộ luật Dân sự là “tranh chấp trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh”.

[3]. Xem xét tài liệu, chứng cứ và yêu cầu của nguyên đơn:

Thấy rằng: Ông Nguyễn Thành T đã giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa ông T với Nguyễn Trần Đ và Đỗ minh C, Huỳnh Thị T1 có thiết lập quan hệ hợp đồng vay và bảo lãnh trả nợ

gồm: 01 giấy mượn tiền ngày 24/1/2019 có nội dung thể hiện ông Nguyễn Trần Đ nhận vay của ông Nguyễn Thành T số tiền 200.000.000 đồng, đúng 12 tháng sẽ hoàn trả lại tiền; có chữ ký, chữ viết Nguyễn Trần Đ phía dưới “Bên mượn” và chữ ký, chữ viết Đỗ Minh C phía dưới “Bên bảo lãnh”; mặt sau của giấy mượn tiền có tựa đề “Bảo lãnh hai” thể hiện nội dung: bà Huỳnh Thị T1 đứng ra bảo lãnh cho cháu là Nguyễn Trần Đ nhận số tiền 200.000.000 đồng, có chữ ký, chữ viết Huỳnh Thị T1 bên dưới dòng mục “người bảo lãnh”

Tòa án đã giao hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng ông Đỗ Minh C và ông Nguyễn Trần Đ không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bà Huỳnh Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do ông Nguyễn Thành T cung cấp xác định ông Nguyễn Trần Đ thực tế có nhận vay của ông Nguyễn Thành T số tiền 200.000.000, thời hạn vay 12 tháng, người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay là ông Đỗ Minh C và bà Huỳnh Thị T1, khi đến hạn trả nợ ông Đ là bên được bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ trả đủ tiền cho ông T nên ông T là bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là ông Đỗ Minh C và bà Huỳnh Thị T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Đ số tiền 135.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 335, 336, 338, 339 và 342 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc ông Đỗ Minh C và bà Huỳnh Thị T1 phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Thành T số tiền là 135.000.000 đồng.

Xét lời khai nại của bà Huỳnh Thị T1 cho rằng ông Nguyễn Thành T trả lại tài sản thế chấp cho ông Nguyễn Trần Đ nên bà không phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với số tiền ông Đ còn nợ là không có căn cứ; bởi lẽ trong văn bản thỏa thuận bảo lãnh không có điều kiện dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo lãnh nên Hội đồng xét xử chấp nhận không chấp nhận lời khai nại của bà T1.

[4]. Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Thành T được chấp nhận nên ông C và bà T1 là bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:** Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 335, 336, 338, 339 và 342 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T.

Buộc ông Đỗ Minh C và bà Huỳnh Thị T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thành T số tiền 135.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông C và bà T1 phải chịu 6.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.375.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy theo biên lai thu số 0006976 ngày 15/4/2021.

3. Quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Thành T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Ông Đỗ Minh C, bà Huỳnh Thị T1 và ông Nguyễn Trần Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT